

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25/01/2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Tài;
2. Bà Võ Thị Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Yến, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Văn Thị L, sinh năm 1990. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn Dưỡng Xuân, xã Q X 1, huyện Q S, tỉnh Q N.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Tr (Trần Minh Tr), sinh năm 1987. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn Thanh Hòa, xã Q X 1, huyện Q S, tỉnh Q N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2021, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Văn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Trần Văn Tr (Trần Minh Tr) tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q X 1, huyện Q S vào ngày 31/12/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng chị đã không còn chung sống với nhau từ tháng 4/2017 đến nay.

Nay chị L không còn tình cảm với anh Tr nên chị xin được ly hôn với anh Trần Văn Tr (Trần Minh Tr).

Về con chung: Chị L và anh Tr có 01 con chung là Trần Văn Đình A, sinh ngày 04/02/2017. Sau khi ly hôn, chị L có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng. Hiện nay cháu Ân đang ở và được chị L chăm sóc từ nhỏ đến lớn.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Trần Văn Tr (Trần Minh Tr), trong quá trình giải quyết vụ án anh Tr không hợp tác, cố tình không đến Tòa án làm việc, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp L các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, anh Tr không có ý kiến về nội dung vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không có mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa là vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con của chị Văn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Văn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn - anh Trần Văn Tr (Trần Minh Tr) đã được Tòa án Trệu tập hợp L lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Văn Thị L có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Trần Văn Tr (Trần Minh Tr), địa chỉ: Thôn Thanh Hòa, xã Q X 1, huyện Q S, tỉnh Q N. Nay, chị L khởi kiện xin ly hôn và nuôi con với anh Tr nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Tr tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q X 1, huyện Q S vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án, chị L cho rằng vợ chồng chung sống không hạnh phúc do không thể hòa hợp, bất đồng quan điểm. Anh Tr và chị L đã sống ly thân hơn bốn năm nay và không còn quan tâm đến nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp L

các văn bản tố tụng nhưng anh Tr đều vắng mặt, không có ý kiến về nội dung vụ án. Tại phiên tòa, anh Tr tiếp tục vắng mặt không có lý, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn cương quyết xin ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L, anh Tr đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Chị L và anh Tr có 01 con chung là Trần Văn Đình Â, sinh ngày 04/02/2017. Chị L có nguyện vọng nuôi con. Cháu Ân từ nhỏ cho đến nay đều do chị L chăm sóc, giáo dục và hiện cháu đang ở với mẹ. Mặc khác, anh Tr trong quá trình giải quyết vụ án không hợp tác thể hiện sự không quan tâm đến con cái. Chị L cung cấp bản sao kê tài khoản Ngân hàng của chị L thể hiện thu nhập hằng tháng của chị khoảng 4.000.000 – 5.000.000 đồng. Chị L đảm bảo điều kiện để nuôi cháu Ân. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Anh Tr có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, mà không ai được cản trở phù hợp với quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị L không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Văn Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Văn Thị L về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Văn Thị L và anh Trần Văn Tr (Trần Minh Tr).

2. Về con chung: Giao cháu Trần Văn Đình Â, sinh ngày 04/02/2017 cho chị Văn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Trần Văn Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Tr có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở. Các đương sự có

quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị Văn Thị L phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, L phí Tòa án số 0004504 ngày 05/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp L.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Xuân 1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thọ